TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 791/2019/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 7 năm 2019.
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Liên Quân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Chính**.

2. Bà **Lê Thị Khanh.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Bá Hùng Tâm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1073/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 632/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Ngọc V** - sinh năm: 1965. (có mặt)

Thường trú: 58/4 ấp T, xã Đ, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà **Phạm Thị Ph** - sinh năm: 1965. (vắng mặt)

Thường trú: 58/4 ấp T, xã Đ, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/8/2018, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 21/11/2018, biên bản hòa giải ngày 21/11/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, ông Nguyễn Ngọc V và bà Phạm Thị Ph đã tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số số 03 do Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/01/1987.

Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc với nhau, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông V ham mê cá độ, lâm vào cảnh nợ nần và phải cầm cố giấy tờ nhà để trả nợ. Từ đó, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã nên ông V bỏ nhà ra đi và chung sống với người phụ nữ khác. Khoảng 03 năm sau, ông V quay về với gia đình nhưng bà Ph và các con không xem ông là thành viên của gia đình nữa. Ông V và bà Ph đã ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến

nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân. Nay ông V nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà Ph đã trở nên lạnh nhạt, không còn yêu thương tôn trọng nhau, không thể hàn gắn trở về chung sống với nhau được. Do đó, ông Nguyễn Ngọc V yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị Ph.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Nguyễn Ngọc V và bà Phạm Thị Ph có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Ngọc Nam V, sinh ngày 12/8/1990. Con chung đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu câu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/7/2017, biên bản hòa giải ngày 21/11/2018 bị đơn bà Phạm Thị Ph trình bày:

Về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn và con chung, bà Phạm Thị Ph thống nhất với phần trình bày của ông Nguyễn Ngọc V.

Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc với nhau, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân đúng như ông V trình bày. Từ đó, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã nên ông V bỏ nhà đi và chung sống với người phụ nữ khác. Khoảng 03 năm sau, ông V quay về với gia đình nhưng tình cảm vợ chồng vẫn thường xuyên cãi vã và chúng tôi đã ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay. Bà Phạm Thị Ph nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn và có thể hàn gắn trở về chung sống với nhau. Do đó, bà Phạm Thị Ph không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Ngọc V.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ trở về chung sống với nhau nhưng các đương sự giữ nguyên ý kiến của mình, ông Nguyễn Ngọc V vẫn yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị Ph. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Ngọc V và bà Phạm Thị Ph là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn hiện cư trú tại xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Phạm Thị Ph vắng mặt không lý do. Vì

vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc V và bà Phạm Thị Ph tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 03 do Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/01/1987 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Ngọc V và bà Phạm Thị Ph là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Ông V xác định nguyên nhân ông V ham mê cá độ, lâm vào cảnh nợ nên phải cầm cố giấy tờ nhà để trả nợ. Từ đó, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã nên ông V bỏ nhà ra đi. Khoảng 03 năm sau, ông V quay về với gia đình nhưng bà Ph và các con không xem ông là thành viên của gia đình nữa. Tại đơn ngày 27/11/2018, bà Ph xác định ông V cầm cố giấy tờ nhà để trả nợ khiến vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã rồi ông V bỏ nhà ra đi và chung sống với người phụ nữ khác cho đến nay. Tuy nhiên, bà Ph cho rằng vẫn còn thương yêu chồng, mong muốn được hàn gắn, đoàn tụ gia đình nên không đồng ý ly hôn.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình."

Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, có đủ cơ sở xác định ông V và bà Ph thực tế có những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng và đã trải qua thời gian dài không còn chung sống với nhau, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, quan tâm đến nhau, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Nguyễn Ngọc V và bà Phạm Thị Ph có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Ngọc Nam V, sinh ngày 12/8/1990. Con chung đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 203, Điều 235, Điều 264, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Ngọc V** đối với bà **Phạm Thị Ph**.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc V được ly hôn với bà Phạm Thị Ph.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc V và bà Phạm Thị Ph có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Ngọc Nam V, sinh ngày 12/8/1990. Con chung đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Ngọc V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Ngày 11/9/2018, ông V đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2018/0004875 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn được đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Liên Quân